TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Quốc Quy
2. Ông Thiều Hoàng Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thụ lý số 446/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng H, địa chỉ: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. Bị đơn: Lê Hoài H1, địa chỉ: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Lê Hoài H1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ tháng 02/1986, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 03 người con chung là Lê Nguyễn Hoài K sinh năm 1987, Lê Nguyễn Hoài V sinh năm 1990 và Lê Nguyễn Hoài D sinh ngày 26/11/2003. Thời gian chung sống gần đây vợ chồng luôn bất hòa nhau do không cùng quan điểm, thường xuyên cãi vả, ông H1 không quan tâm đến vợ con, thậm chí bà còn bị ông H1 đánh đập, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà H xin ly hôn ông H1; về con chung bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng; đối với 02 cháu K và V hiện nay đã trên tuổi thành niên và tự

lập được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, trong đơn khởi kiện ban đầu bà H có yêu cầu chia đôi tài sản chung vợ chồng với ông H1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY, diện tích 7.622,7 m^2 tọa lạc tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Hoài H1; trên đất có xây dựng nhà ở cấp IV và công trình phụ (01 nhà chính, 01 nhà phụ và 01 nhà bếp), nhưng sau đó bà thay đổi rút lại phần yêu cầu này để bà và ông H1 tự thỏa thuận trong giải quyết; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Hoài H1 trình bày: Ông H1 thừa nhận phần trình bày của bà H về thời điểm cưới nhau, con chung của hai người là đúng; ông H1 cho biết từ khi cưới nhau và sống chung, vợ chồng cũng có cự cãi qua lại nhưng sau đó cũng hòa thuận, nhưng thời gian gần đây bà H nói bị bệnh, nhưng không chịu đi điều trị mà thường xuyên đi chùa, nên ông H1 có la rầy thì bà H bỏ đi nơi khác để ở khoảng một năm nay và làm đơn ly hôn. Hiện nay ông H1 vẫn còn thương vợ con và muốn hàn gắn nên không đồng ý ly hôn; tuy nhiên nếu bà H kiên quyết và vợ chồng phải ly hôn thì ông H1 có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là cháu D và không yêu cầu bà H cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, ông H1 cho biết đã tự thỏa thuận với bà H giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung chưa thành niên là cháu Lê Nguyễn Hoài D cho bà H trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 xác lập quan hệ vợ chồng từ tháng 02/1986, tuy không đăng ký kết hôn nhưng được xem là hôn nhân thực tế, hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà H nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do gần đây vợ chồng luôn bất hòa nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân, nên bà H yêu cầu ly hôn ông H1. Về phía ông H1, ông thừa nhận thỉnh thoảng cũng có cự cãi, la rầy nhưng theo ông điều đó là chính đáng, ông H1 muốn hàn gắn để tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng không được bà H chấp nhận. Xét thấy trên thực tế, bà H và ông H1 đang sống ly thân đã khoảng 01 năm nay; khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, bằng việc tiến hành phiên hòa giải để động viên nhưng các bên không thống nhất được với nhau; mặt khác, Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, nhưng địa phương không nắm được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay

bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn, không muốn quay lại cuộc sống vợ chồng với ông H1 nữa; do đó xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2] Về con chung: Bà H và ông H1 có 03 người con chung, trong đó có 02 cháu (K và V) đã trên tuổi thành niên và tự lập được cuộc sống nên Tòa án không xem xét; đối với cháu D chưa thành niên trên 07 tuổi, Tòa án đã trực tiếp hỏi nguyện vọng thì được biết cháu muốn ở với mẹ nếu cha mẹ phải ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu D cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp và đáp ứng được nguyện vọng của cháu. Ông H1 không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện của bà H không yêu cầu, được Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ: Trong đơn khởi kiện bà H có đề cập đến tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để yêu cầu chia đôi với ông H1, nhưng trong quá trình giải quyết, bà H muốn tự thỏa thuận với ông H1 trong việc giải quyết nên đã thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến tài sản nữa; xét thấy việc thay đổi yêu cầu của bà H đã được xác nhận tại phiên tòa là do bà hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác để Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn ông Lê Hoài H1.

- *Về con chung:* Giao cháu Lê Nguyễn Hoài D sinh ngày 26/11/2003 cho bà Nguyễn Thị Hồng H để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông Lê Hoài H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H1, không ai được cản trở. Đối với 02 cháu Lê Nguyễn Hoài K sinh năm 1987 và Lê Nguyễn Hoài V sinh năm 1990 đã trên tuổi thành niên và tự lập được cuộc sống nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 6.500.000 đồng theo Biên lai số 0006676, ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng; trả lại cho bà H số tiền tạm ứng thừa là 6.200.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã X, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu